

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2022/DS-PT
Ngày: 19 /12 / 2022
V/v “Tranh chấp ranh giới QSDĐ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

- Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt
Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc T2 - Kiểm sát viên.

Ngày 19/12/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp ranh giới QSDĐ”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 334/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đ diện hợp pháp của ông N: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư: Nguyễn Ngọc Ân – Văn phòng luật sư Nguyễn Ngọc Ân thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 183A, ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đ diện hợp pháp của chị D: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018).

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đ diện hợp pháp của ông C: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số A, khóm A, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1961.

2. Anh Nguyễn Trọng S, sinh năm 1989.

3. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1991.

4. Chị Nguyễn Lê Ngọc Quyền T2, sinh năm 1999.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Đ diện hợp pháp của bà P, anh Sang, anh Hiếu, chị T2: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021).

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1924 (Chết).

6. Anh Đào Văn C, sinh năm 1974.

7. Anh Đào Phước D, sinh năm 1997.

Đ diện hợp pháp của ông C, anh Dũng là: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

8. Chị Đào Thị D2 H, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

9. Bà Phan Thị H, sinh năm 1961.

10. Anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1979.

11. Chị Nguyễn Thị Thuý D2, sinh năm 1982.

12. Anh Nguyễn Đông T2, sinh năm 1982.

13. Anh Nguyễn Cao B2, sinh năm 1984.

14. Em Nguyễn Ngọc B3, sinh ngày 09/01/2009.

Đ diện theo pháp luật của em B3 là anh Nguyễn Hữu C, sinh năm 1979 cha ruột.

15. Em Nguyễn Phạm Huỳnh T, sinh ngày 28/7/2012.

16. Em Nguyễn Phạm Đông T3, sinh ngày 10/10/2016.

Đ diện theo pháp luật của em Thi, em T3 là anh Nguyễn Đông T2, sinh năm 1982 cha ruột.

Cùng địa chỉ: Số A, ấp A, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

17. Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; Đ diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Nh, chức vụ: Chủ tịch; địa chỉ: Khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Người kháng cáo là ông Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Văn C là nguyên đơn và bị đơn của vụ án.

(Ông N, anh Đ, chị T có mặt tại phiên tòa; UBND huyện Lấp Vò có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI D VỤ ÁN

- *Đ diện hợp pháp cho nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha vợ ông N cho vợ chồng ông N sử dụng từ năm 1976 cho đến nay. Ngày 11/5/1992, được Ủy ban huyện Thanh Hưng (Nay là Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.185m², mục đích sử dụng là đất lúa. Đến ngày 25/5/2012, thì hộ ông N cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa số 596, tờ bản đồ số 5, diện tích 4559m², do hộ ông Nguyễn Hồng N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Liên kề với đất hộ ông N là thửa đất số 1030, tờ bản đồ số 5, đất của cụ Nguyễn Văn Ba (Là cha của bà D và ông C). Ông N sử dụng ranh đất từ xưa đến nay không thay đổi, không có tranh chấp. Năm 2012, anh C là chồng chị D xịt thuốc diệt cỏ làm thiệt hại lúa ông N nên hai bên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến phát sinh tranh chấp. Ngày 22/4/2012, Tổ hoà giải ấp Hưng Thành Đông tiến hành hoà giải tranh chấp đất thì hai bên cùng thống nhất xác định ranh đất và cùng cắm trụ đá ranh. Sau đó, ông N yêu C cơ quan địa chính tiến hành đo đạc thực tế để được cấp giấy theo bản đồ địa chính chính quy; đến ngày 25/5/2012, Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N thuộc thửa đất số 596, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.559m², mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước, đất toạ lạc ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò. Sau đó, cụ Ba chia đất cho các con cụ thể, thửa đất số 627, tờ bản đồ số 5 cho ông C và thửa 1030, tờ bản đồ số 5 cho hộ chị D, anh C sử dụng. Sau khi sử dụng đất thì hộ chị D, anh C và hộ ông C có hành vi lấn ranh đất hộ ông N, cụ thể như sau:

Hộ chị D, anh C lấn chiếm đất của hộ ông N theo đo đạc thực tế diện tích là 72,3m². Nay hộ ông N yêu C hộ chị D, anh C trả lại phần đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế diện tích là 72,3m² (Trong phạm vi các mốc từ M5, M4, M8, M7 về M5) thuộc một phần thửa đất số 596, tờ bản đồ số 5, đất do hộ ông N đứng tên.

Ông C lấn chiếm đất của hộ ông N theo đo đạc thực tế diện tích là 9,9m². Nay hộ ông N yêu C ông C trả lại đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế diện tích là

9,9m² (Trong phạm vi các mốc từ M1, M5, M7, M6 về M1), thuộc một phần thửa đất số 596, tờ bản đồ số 5, đất do hộ ông N đứng tên. Về sơ đồ đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì thống nhất.

- *Đ diện hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Thị Mỹ D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn C, anh Đào Phước Dũng là chị Nguyễn Thị T trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn Ba là cha chị D sử dụng đất từ trước năm 1980. Đến năm 2012, cụ Ba cho đất lại hộ chị D, anh C đất thuộc thửa 126a, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.083m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận ngày 30/7/2012. Đến năm 2014, hộ chị D, anh C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1030, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.491m², đất tọa lạc ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò giáp ranh là thửa đất số 596, tờ bản đồ số 05 của hộ ông N. Sau khi được cấp giấy hộ chị D, anh C sử dụng liên tục đến nay không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Nay hộ ông N khởi kiện yêu C hộ chị D, anh C trả lại đất lấn chiếm diện tích là 72,3m² thuộc một phần thửa đất số 596, tờ bản đồ số 05, là hoàn toàn vô lý, không có căn cứ và không đồng ý theo yêu C của hộ ông N.

- *Đ diện hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị P, anh Nguyễn Trọng Sang, anh Nguyễn Trọng Hiếu, chị Nguyễn Lê Ngọc Huyền T2 là chị Nguyễn Thị T trình bày:* Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Trần Thị Huệ là mẹ ông C đứng tên và sử dụng đất từ trước năm 1980. Năm 2011, cụ Huệ chết, ông C làm thủ tục thừa kế thửa 564, tờ bản đồ số 9a, diện tích 224,8m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận ngày 21/6/2013. Đến năm 2017, làm thủ tục cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 627, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,8m², đất ông C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò giáp ranh thửa đất số 596, tờ bản đồ số 05 của hộ ông N. Phần đất này hộ ông C cất nhà ở trước khi cho đất và khi được cấp giấy chứng nhận ông C sử dụng liên tục đến nay không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Nay hộ ông N yêu C ông C trả lại đất lấn chiếm diện tích là 9,9m² thuộc thửa đất số 596, tờ bản đồ số 05 là hoàn toàn vô lý và không có căn cứ, không đồng ý theo yêu C của hộ ông N. Về sơ đồ đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì thống nhất.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị H, anh Nguyễn Hữu C, chị Nguyễn Thị Thúy D2, anh Nguyễn Đông T2, anh Nguyễn Cao B2 vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến:* Thống nhất theo ý kiến ông Nguyễn Hồng N và có đơn xin vắng mặt hòa giải, xét xử.

- *Đ diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò:* Bà Nguyễn Thị Nnh, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Lấp Vò có đơn xin vắng mặt.

* Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu C khởi kiện của hộ Nguyễn Hồng N (Hộ ông Nguyễn Hồng N gồm: Ông Nguyễn Hồng N, bà Phan Thị H, chị Nguyễn Thị Thúy D2, anh Nguyễn Hữu C, anh Nguyễn Đông T2, anh Nguyễn Cao B2) yêu C ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất lấn ranh diện tích 0,6m².

Chấp nhận một phần yêu C khởi kiện của hộ ông Nguyễn Hồng N yêu C ông Nguyễn Văn C và yêu C hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D (Hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D gồm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Đào Văn C, em Đào Phước Dũng, em Đào Thị D2 Hằng) trả lại phần đất lấn ranh.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông Nguyễn Hồng N tại thửa 596 với đất của ông Nguyễn Văn C tại thửa 627 là đường thẳng nối từ mốc M22 đến M23, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông Nguyễn Hồng N tại thửa 596 với đất của hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D tại thửa 1030 là đường thẳng nối từ mốc M23 đến M24, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo C thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 19/8/2020 và ngày 30/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

Hộ ông Nguyễn Hồng N, hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn C được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hộ ông Nguyễn Hồng N nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0005542 ngày 11/5/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Hộ ông Nguyễn Hồng N nộp 6.820.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và chi xong.

Buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho hộ ông Nguyễn Hồng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 343.000 đồng.

Buộc hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D trả lại cho hộ ông Nguyễn Hồng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.127.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 11/7/2022, ông Nguyễn Hồng N kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu C tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu C ông. Buộc ông Nguyễn Văn Chiêu, bà Nguyễn Thị D và ông Đào Văn C trả lại cho tôi diện tích 82,20m² thuộc một phần thửa đất số 596, tờ bản đồ số 5, diện tích 4559m², mục đích sử dụng chuyên trồng lúa do UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 25/5/2012. Cụ thể buộc bà D, ông C trả diện tích 72,3m² (C dài 134,73m, C ngang giáp đất ông C 0,58m, C ngang giáp ông Tòng 0,53m); buộc ông Chiêu trả lại diện tích 9,9m (C dài 21,69m, ngang tại đường đal 0,37m, ngang giáp bà D 0,58m)

- Ngày 14/7/2022 bà Nguyễn Thị Mỹ D kháng cáo yêu C xác định ranh giới QSDĐ giữa hộ ông N với bà là đường thẳng nối từ mốc M5 – M4 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/7/2022.

- Ngày 14/7/2022 ông Nguyễn Văn C kháng cáo yêu C xác định ranh giới QSDĐ giữa hộ ông N với ông là đường thẳng nối từ mốc M1 – M5 theo sơ đồ đo đạc hiện trạng ngày 28/7/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

+ Ông Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Văn C vẫn giữ nguyên nội D đơn kháng cáo.

+ Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn Chiêu và bà Nguyễn Thị Mỹ D là không có căn cứ; nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông N, ông Chiêu, bà D; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng N và bà Nguyễn Thị Mỹ D, ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đất của hộ ông Nguyễn Hồng N thuộc thửa 569, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.559m², nguồn gốc đất tranh chấp là của cha vợ ông N cho vợ chồng ông N sử dụng từ năm 1976. Ngày 11/5/1992, được Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (Nay là Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N thuộc thửa đất số 120, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.185m², mục đích sử dụng là đất lúa. Đến ngày 25/5/2012, thì hộ ông N cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa số 596, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.559m², theo đo đạc tế diện tích 4503,4m², thiếu diện tích 55,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất của hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Đào Văn C có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Ba là cha chị D sử dụng đất từ trước năm 1980. Đến năm 2012, cụ

Ba cho đất hộ chị D, anh C sử dụng, đất thuộc thửa 126a, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.083m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận ngày 30/7/2012. Đến năm 2014, hộ chị D, anh C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1030, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.491m², theo đo đạc tế diện tích 3.386m², thiếu diện tích 105m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đất của ông Nguyễn Văn C có nguồn gốc đất là của cụ Trần Thị Huệ là mẹ ông C đứng tên, cho ông C sử dụng đất từ trước năm 1980. Năm 2011, cụ Huệ chết, ông C làm thủ tục thừa kế thừa đất số 564, tờ bản đồ số 9a, diện tích 224,8m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận ngày 21/6/2013. Đến năm 2017, ông C làm thủ tục cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 627, tờ bản đồ số 5, diện tích 224,8m², theo đo đạc thực tế diện tích 226,8m², dư diện tích 02m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phía ông N cho rằng phần đất của ông C, hộ chị D là của cụ Nguyễn Văn Ba sử dụng trước đây, do anh C là chồng chị D xịt thuốc diệt cỏ làm thiệt hại lúa ông N nên hai bên phát sinh tranh chấp. Do cụ Ba làm đơn thưa ông N ra Tổ hòa giải ấp Hưng Thành Đông và Tổ hòa giải có đến phần đất tranh chấp xuống 04 trụ đá, theo sơ đồ đo đạc ngày 19/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thì trụ đá thứ nhất là trụ điện (M6), trụ thứ hai là M7, trụ thứ ba giữa trụ M7, M8 hiện không còn và trụ thứ 4 là trụ M8, khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có đo đạc thực tế đề cấp đổi giấy chứng nhận nhưng diện tích thực tế thiếu 55,6m². Nguyên nhân là do ông C, hộ chị D đắp bờ đề lấn qua đất hộ ông N, do hộ ông N ở xa phần đất này.

Còn Đ diện hợp pháp của chị D, anh C cho rằng: Phần đất của hộ chị D trước đây là của cụ Ba. Năm 2012, cụ Ba cho đất hộ chị D, anh C sử dụng, đất thuộc thửa 126a, tờ bản đồ số 9, diện tích 4.083m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận ngày 30/7/2012. Đến năm 2014, hộ chị D, anh C cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 1030, tờ bản đồ số 5, diện tích 3.491m². Năm 2012, thì cụ Ba có thưa ông N ra Tổ hòa giải ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B để giải quyết tranh chấp ranh, do trước đó hộ N có cắm 03 trụ đá ranh, trụ thứ nhất giáp đất ông C, ông N, trụ thứ hai ở giữa đất chị D, ông C nhưng hiện nay không còn, trụ đá thứ ba là giáp đất ông Tòng. Nhưng hộ ông N di dời trụ đá qua đất hộ chị D, anh C chồng chị D có báo với Ban nhân dân ấp. Theo sơ đồ đo đạc ngày 19/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò thì mốc M7 đến M4 là nằm qua đất ruộng hộ chị D, còn bờ đề là phần đất tranh chấp. Đến năm 2019, chị D thưa ông N khi xác định ranh giáp đề đo đạc thì ông N với ông C không thống nhất ranh nên phát sinh tranh chấp thì chị D rút đơn khởi kiện ông N.

Còn phía ông C cho rằng phần đất của ông C có nguồn gốc là của cụ Trần Thị Huệ sử dụng đất từ trước năm 1980. Năm 2011, cụ Huệ chết, ông C làm thủ tục thừa kế thừa 564, tờ bản đồ số 9a, diện tích 224,8m² và được Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp giấy chứng nhận ngày 21/6/2013. Đến năm 2017, làm thủ tục cấp đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa đất số 627, tờ bản đồ số

5, diện tích 224,8m², tứ cận có ký tên giáp ranh và ông Nguyễn Hồng N có ký tên.

Theo Công văn của UBND huyện Lập Vò thì phần đất của hộ ông N, hộ chị D và ông C khi cấp đổi có đo đạc thực tế. Riêng phần đất ông C khi cấp đổi giấy chứng nhận thì ông N có ký tên xác định ranh.

Còn theo sơ đồ đo đạc ngày 19/8/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lập Vò, phần đất của hộ ông N thuộc thửa 596, tờ bản đồ số 5, C ngang giáp đường đan từ mốc M1 đến M2 theo đo đạc thực tế là 31,82m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C ngang 32,15m, thực tế thiếu 0,33m; C ngang phía sau giáp đất ông Tòng từ mốc M3 đến mốc M4 theo đo đạc thực tế 27,49m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 28,31m, thực tế thiếu 0,82m. Phần đất của ông C thuộc thửa đất số 627, tờ bản đồ số 5, C ngang giáp đường đan từ mốc M21 đến M6 theo đo đạc thực tế là 9,34m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C ngang 9,93m, thực tế thiếu 0,59m; C ngang phía sau giáp đất hộ chị D, anh C từ mốc M7 đến mốc M20 theo đo đạc thực tế 10,28m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất C ngang 11,11m, thực tế thiếu 0,83m. Phần đất của hộ chị D, anh C thuộc thửa 1030, tờ bản đồ số 5 C ngang giáp với đất của chị D từ mốc M9 đến M10 là 19,90m, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ chị D thể hiện 19,91m, thực tế thiếu 0,1m.

Như vậy đối chiếu vào diện tích thực tế và diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp của hộ ông N, ông C, hộ chị D, anh C thì đất hộ ông N, hộ chị D thiếu C ngang, diện tích; còn đất ông C thiếu C ngang, tăng C dài, diện tích tăng 2m². Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi Tổ hòa giải áp hòa giải thành và tiến hành cắm trụ đá ranh giữa các bên nhưng sau đó các bên thống nhất ký giáp ranh với Nu trong thủ tục đo đạc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là thỏa thuận cuối cùng, gần nhất giữa các bên về ranh giới, nên thỏa thuận về ranh giới theo biên bản hòa giải ở Ấp không còn giá trị, tuy nhiên, trong thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận lại không có biên bản mô tả mốc giới cụ thể; mặt khác, do phần đất tranh chấp là bờ đê đi chung từ trước đến nay, ranh thẳng và để đảm bảo sự ổn định ranh đất để canh tác lúa giữa các bên nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chia đôi phần đất tranh chấp giữa hộ ông N với ông C; chia đôi phần đất tranh chấp giữa hộ ông N với hộ chị D là có căn cứ, phù hợp hiện trạng sử dụng đất và tập quán sử dụng đất.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N, ông C, bà D cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu C khởi kiện cũng như yêu C kháng cáo của mình là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu C kháng cáo của ông N, ông C, bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn Ba chết. Tại phiên tòa phúc thẩm thì người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Ba là bà Nguyễn Thị Ba, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Tuyên, bà Nguyễn Thị Tám có ý kiến hay yêu C gì trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: căn cứ lời khai của người làm chứng thì mốc M7 ghi trụ đá nhưng thực tế là trụ

cây đến M8. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu C khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu về việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị. Về nội D vụ án, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề xuất hướng giải quyết là không chấp nhận yêu C kháng cáo của ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện Lấp Vò. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị trên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên ông N, ông C, bà D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 148 và khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng N, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị Mỹ D.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Đình chỉ một phần yêu C khởi kiện của hộ Nguyễn Hồng N (Hộ ông Nguyễn Hồng N gồm: Ông Nguyễn Hồng N, bà Phan Thị H, chị Nguyễn Thị Thúy D2, anh Nguyễn Hữu C, anh Nguyễn Đông T2, anh Nguyễn Cao B2) yêu C ông Nguyễn Văn C trả lại phần đất lấn ranh diện tích 0,6m².

Chấp nhận một phần yêu C khởi kiện của hộ ông Nguyễn Hồng N yêu C ông Nguyễn Văn C và yêu C hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D (Hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D gồm: Chị Nguyễn Thị Mỹ D, anh Đào Văn C, em Đào Phước Dũng, em Đào Thị D2 Hằng) trả lại phần đất lấn ranh.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông Nguyễn Hồng N tại thửa 596 với đất của ông Nguyễn Văn C tại thửa 627 là đường thẳng nối từ mốc M22 đến M23, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của hộ ông Nguyễn Hồng N tại thửa 596 với đất của hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D tại thửa 1030 là đường thẳng nối từ mốc M23 đến M24, đất tọa lạc tại ấp Hưng Thành Đông, xã Long Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

Ranh đất được sử dụng theo C thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/7/2020 và Sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 19/8/2020 và ngày 30/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lấp Vò).

Hộ ông Nguyễn Hồng N, hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn C được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hộ ông Nguyễn Hồng N nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0005542 ngày 11/5/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:

Hộ ông Nguyễn Hồng N nộp 6.820.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và chi xong.

Buộc ông Nguyễn Văn C trả lại cho hộ ông Nguyễn Hồng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 343.000 đồng.

Buộc hộ chị Nguyễn Thị Mỹ D trả lại cho hộ ông Nguyễn Hồng N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 5.127.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: ông Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Nguyễn Văn C mỗi người phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng mà các đương sự đã nộp theo các biên lai thu tạm ứng án phí số 0013519 ngày 19/7/2022; 0013522 ngày 20/7/2022; 0013523 ngày 20/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò (đã nộp xong)

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lập Vò;
- Chi cục THADS huyện Lập Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy